

Số: 95/QĐ-THPTXTB

Xuân Trường, ngày 31 tháng 05 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công khai số liệu, thuyết minh quyết toán thu chi ngân sách nhà nước; học phí và các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ giáo dục và Đào tạo quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ trường THPT Xuân Trường B.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công khai số liệu, thuyết minh quyết toán thu chi ngân sách nhà nước; học phí và các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm 2024 tại bảng tin tầng 1 và trên cổng thông tin điện tử của trường THPT Xuân Trường B (theo biểu đính kèm), ít nhất 30 ngày kể từ ngày 31/5/2025.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trường THPT Xuân Trường B, bộ phận tài chính và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG  
TRẦN XUÂN TRÀ

Đơn vị: Trường THPT Xuân Trường B

Chương: 422

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 95/QĐ-THPT XTB ngày 31/5/2024 của Hiệu trưởng trường THPT Xuân Trường B)

ĐV tính: đồng

| Số TT | Nội dung                                       | Tổng số liệu báo cáo quyết toán | Tổng số liệu quyết toán được duyệt | Chênh lệch | Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc) |
|-------|------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 1     | 2                                              | 3                               | 4                                  | 5=4-3      | 6                                                                                   |
| A     | Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí |                                 |                                    |            |                                                                                     |
| B     | Quyết toán chi ngân sách nhà nước              | 15.972.020.000                  | 15.972.020.000                     | 0          | 15.972.020.000                                                                      |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                     | 15.972.020.000                  | 15.972.020.000                     | 0          | 15.972.020.000                                                                      |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề    | 15.972.020.000                  | 15.972.020.000                     | 0          | 15.972.020.000                                                                      |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 | 15.272.000.000                  | 15.272.000.000                     | 0          | 15.272.000.000                                                                      |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           | 700.020.000                     | 700.020.000                        | 0          | 700.020.000                                                                         |

Ngày 31 tháng 05 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG  
TRẦN XUÂN TRÀ

Mã chương: 422

Đơn vị báo cáo: Trường THPT Xuân Trường B

Mã ĐVQHNS: 1014093

Mẫu số B03/BCQT  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC  
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

# THUYẾT MINH BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

Năm 2024

## A. TÌNH HÌNH CHUNG

### 1. Tình hình người lao động, quỹ lương:

1.1. Người lao động có mặt tại thời điểm báo cáo: 89 Người

Trong đó:

- Công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm): 82 Người

- Người lao động theo hợp đồng 111, khác: 07 Người

## B. THUYẾT MINH CHI TIẾT

### I. Tình hình sử dụng NSNN trong năm

1. Nguyên nhân của các biến động quyết toán tăng, giảm so với dự toán được giao (kinh phí năm trước chuyển sang, dự toán hủy bỏ không thực hiện, chi sai chế độ phải xuất toán,...): Không

### 2. Nguồn NSNN trong nước:

2.1. Kinh phí đã nhận từ năm trước chuyển sang:

2.2. Dự toán giao năm nay:

a) Kinh phí thường xuyên/tự chủ:

- DT giao đầu năm: 13.924.000.000 đ

Trong đó nguồn CK:

- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm: 1.881.000.000 đ

Trong đó nguồn CK:

+ Điều chỉnh tăng:

+ Điều chỉnh giảm:

- Dự toán cấp bằng Lệnh chi tiền:

b) Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ:

- DT giao đầu năm: 200.000.000 đ

Trong đó nguồn CK:

- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm: 500.020.000 đ

Trong đó nguồn CK:

+ Điều chỉnh tăng:

+ Điều chỉnh giảm:

- Dự toán cấp bằng Lệnh chi tiền:

- Nguồn tài trợ, biểu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể:

2.3. Kinh phí thực nhận trong năm:

- Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 15.740.000.000 đ

Trong đó nguồn CK:



Trong đó:

- + Nhận từ rút dự toán ngân sách được giao: 15.740.000.000 đ
- + Nhận từ Lệnh chi tiền cấp vào tài khoản tiền gửi:
- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 232.020.000 đ

Trong đó nguồn CK:

Trong đó:

- + Nhận từ rút dự toán ngân sách được giao: 232.020.000 đ
- + Nhận từ Lệnh chi tiền cấp vào tài khoản tiền gửi:
- Nguồn tài trợ, biếu tặng nhỏ lẻ không theo nội dung, địa chỉ sử dụng cụ thể:

2.4. Kinh phí giảm trong năm: 533.000.000 đ

- Nguồn NSNN giảm: 533.000.000 đ

Lý do giảm: tiết kiệm 5%, giảm biên chế.

II. Tình hình thu phí, lệ phí và sử dụng nguồn phí được khấu trừ, để lại

III. Nguồn hoạt động khác được để lại

IV. Thuyết minh khác

1. Chi tiền lương:

- 1.1. Chi từ nguồn NSNN trong nước: 14.415.512.401 đ
- 1.2. Chi từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài: 0 đ
- 1.3. Chi từ nguồn phí được khấu trừ, để lại: 0 đ
- 1.4. Chi từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

Trong đó:

- Chi lương cho công chức, viên chức (số lượng vị trí việc làm): 541.000.000 đ
- Chi cho người lao động theo hợp đồng 68: 0 đ

1.5. Chi từ nguồn khác:

2. Trích lập và sử dụng nguồn kinh phí cải cách tiền lương:

| STT | Nội dung                                                                     | Tổng số     | Trong đó   |                                 |                                    |            |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|---------------------------------|------------------------------------|------------|
|     |                                                                              |             | Nguồn NSNN | Nguồn phí được khấu trừ, để lại | Nguồn sản xuất kinh doanh, dịch vụ | Nguồn khác |
| I   | Số dư năm trước mang sang                                                    | 24.330.000  |            |                                 | 24.330.000                         |            |
| II  | Trích lập                                                                    | 516.670.000 |            |                                 | 516.670.000                        |            |
| III | Sử dụng                                                                      | 541.000.000 |            |                                 | 541.000.000                        |            |
| 1   | Sử dụng cho cải cách tiền lương                                              | 541.000.000 |            |                                 | 541.000.000                        |            |
| 2   | Sử dụng cho đầu tư, mua sắm, hoạt động chuyên môn và thực hiện cơ chế tự chủ |             |            |                                 |                                    |            |
| IV  | Số dư chuyển năm sau                                                         | 0           |            |                                 | 0                                  |            |

C. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ: Không

Người lập  
(Ký, họ tên)



Phạm Thị Nhài

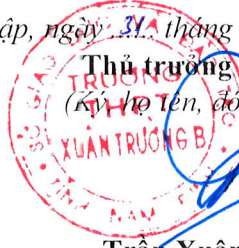
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



Phạm Thị Nhài

Lập, ngày 21 tháng 5 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Xuân Trà

QUYẾT TOÁN THU - CHI HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC  
Năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 95/QĐ-THPT XTB ngày 31/5/2025 của Hiệu trưởng trường THPT Xuân Trường B)

DVT: Đồng

| STT                                 | Nội dung                                   | Năm trước chuyển sang | Doanh thu/<br>Tổng thu khác/<br>Tạm thu | Chi phí/<br>Chi phí khác | Chi phí thuế GTGT | Thặng dư/<br>thâm hụt/<br>KP chuyển năm sau | Thặng dư/ thâm hụt chia ra:  |                   |                       |                   |            |             | Ghi chú                                                                  |
|-------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------|--------------------------|-------------------|---------------------------------------------|------------------------------|-------------------|-----------------------|-------------------|------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------|
|                                     |                                            |                       |                                         |                          |                   |                                             | Kinh phí cải cách tiền lương | Chi phí thuế TNDN | Chi phí khác nộp NSNN | Trích lập các quỹ |            |             |                                                                          |
|                                     |                                            |                       |                                         |                          |                   |                                             |                              |                   |                       | Phúc lợi          | PTSN       | Khen thưởng |                                                                          |
| I                                   | Hoạt động SXKD, dịch vụ                    |                       |                                         |                          |                   |                                             |                              |                   |                       |                   |            |             |                                                                          |
| 1                                   | Học phí                                    | 679.800.000           | 616.780.000                             | 755.580.000              |                   |                                             | 541.000.000                  | 0                 | 0                     | 0                 | 0          | 0           |                                                                          |
| 2                                   | Coi xe                                     | 0                     | 140.208.000                             | 110.290.200              | 7.010.400         | 0                                           | 0                            | 7.010.400         | 0                     | 0                 | 15.897.000 | 0           |                                                                          |
| II Các khoản thu khác ngoài học phí |                                            |                       |                                         |                          |                   |                                             |                              |                   |                       |                   |            |             |                                                                          |
| 1                                   | Học thêm                                   | 370.097.100           | 5.964.180.000                           | 5.885.788.300            | 0                 | 254.382.632                                 | 0                            | 194.106.168       | 0                     | 0                 | 0          | 0           | Thuế TNDN tính cả 2% từ T1-T6/2023 do Kiểm toán NN kiến nghị toàn Ngành. |
| 2                                   | Nước uống                                  | 60.839.100            | 72.482.000                              | 90.011.700               | 0                 | 43.309.400                                  | 0                            | 0                 | 0                     | 0                 | 0          | 0           |                                                                          |
| 3                                   | Hoa hồng BHYT HS                           | 0                     | 21.663.417                              | 21.663.417               | 0                 | 0                                           | 0                            | 0                 | 0                     | 0                 | 0          | 0           |                                                                          |
| 4                                   | Lệ phí tuyển sinh lớp 10                   | 0                     | 59.500.000                              | 50.528.500               | 2.975.000         | 4.806.500                                   | 0                            | 1.190.000         | 0                     | 0                 | 0          | 0           |                                                                          |
| 5                                   | Lệ phí cao đẳng đại học do cấp trên gửi về | 0                     | 44.688.000                              | 44.688.000               | 0                 | 0                                           | 0                            | 0                 | 0                     | 0                 | 0          | 0           |                                                                          |

Xuân Trường, ngày 31 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG  
TRẦN XUÂN TRÀ